

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI



SABECO

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Quảng Ngãi, 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Tel: +84.255.6250905; Fax: +84.255.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 04/12/2024

Số: 43/2025/BC-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300338460.
- Vốn điều lệ: 450,000,000,000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 450,000,000,000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0255.6250905; Số fax: 0255.6250910.
- Website: www.sabecoquangngai.com.vn
- Mã cổ phiếu: **BSQ.**

- Quá trình hình thành và phát triển

- + Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4300338460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần 6, ngày 04/12/2024.
- + 20/9/2007 UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 34121000019 cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công suất 100 triệu lít/ năm tại Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư: 1,580,677 triệu đồng.
- + Năm 2010 Nhà máy đã hoàn thành và đi vào sản xuất với công suất 100 triệu lít/ năm.
- + Năm 2016 Thực hiện đăng ký toàn bộ 45,000,000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM). Mã chứng khoán: BSQ.
- + Năm 2022 Đã nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm. Tổng mức đầu tư: 2,115,677 triệu đồng.

- Thành tích trong quá trình hoạt động:

- + Năm 2011 Huân chương lao động hạng 3 về thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2012 Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2012.
- + Năm 2013 Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- + Năm 2013 Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013.

- + Năm 2013 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2013 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong công tác thu nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014 Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.
- + Năm 2014 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2014 Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014 Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác.
- + Năm 2015 Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác.
- + Năm 2015 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2016 Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế.
- + Năm 2016 Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2016 Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích hoàn thành xuất sắc và toàn diện nhiệm vụ công tác.
- + Năm 2016 Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác, tiêu biểu, dẫn đầu trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2017 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2017 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế.
- + Năm 2018 Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2018 Giải thưởng môi trường tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2019 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020 Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2020 Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2020.
- + Năm 2020 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế 2020.
- + Năm 2021 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong sử dụng nhiều lao động, thực hiện tốt chế độ hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định khác của pháp luật năm 2021.
- + Năm 2021 Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, tiêu biểu trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

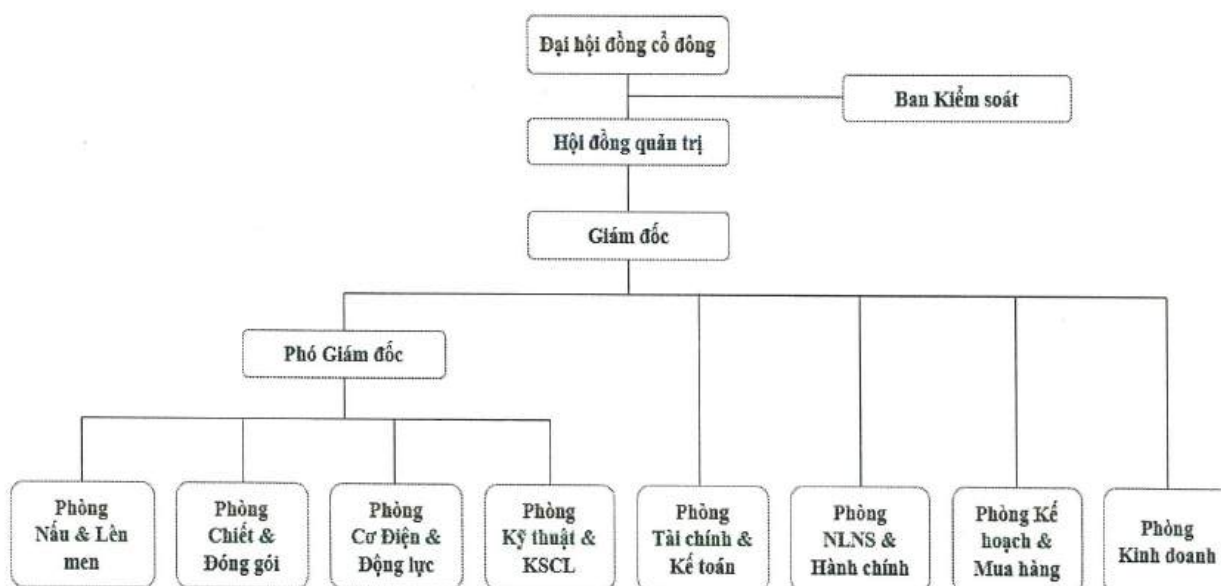
- + Năm 2021 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ thuế 2021.
- + Năm 2022 Bằng khen của Hiệp Hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ về thành tích xuất sắc trong hoạt động xây dựng và phát triển Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2016-2022.
- + Năm 2022 Giải thưởng Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường.
- + Năm 2022 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2022.
- + Năm 2022 Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, tiêu biểu trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.
- + Năm 2023 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế 8 tháng đầu năm 2023, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.
- + Năm 2023 Bằng công nhận của Hội bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam cho doanh nghiệp đạt tiêu chí “Vi Môi trường xanh Quốc gia 2023”.
- + Năm 2024 Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế 8 tháng đầu năm 2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bia.
- Địa bàn kinh doanh: Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- + Phát triển và mở rộng thị trường bia xuất khẩu.
- + Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng giải pháp kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm vật tư, năng lượng, bảo vệ môi trường.
- + Tinh gọn bộ máy quản lý, xây dựng chính sách quản lý và đánh giá hiệu quả công việc.
- + Gia tăng hiệu quả công việc của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo hàng năm
- + Kiểm soát ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và luân chuyển dòng tin hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính. Hạn chế nợ vay, đảm bảo tình hình tài chính Công ty ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển trong sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Phát triển sản lượng Bia Sài Gòn trong nước giai đoạn 2020 - 2025 từ 130 triệu lít bia/năm lên 200 triệu lít bia/ năm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
 - + Tăng nộp ngân sách địa phương.
 - + Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
 - + Đạt các chỉ tiêu kinh tế ngày càng tăng trưởng.
 - + Nâng cao đời sống cho người lao động.
 - + Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- + Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế. Vấn đề này xuất phát từ tình hình bất ổn của chính trị toàn cầu gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng dẫn đến chi phí năng lượng, giá nguyên vật liệu nhập khẩu đầu vào tăng cao, lạm phát toàn cầu tăng cao.
- + Bên cạnh đó, rủi ro suy thoái kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân và doanh nghiệp khiến cho nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm mạnh. Ngành công nghiệp đồ uống ở Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn.
- + Quy định hạn chế tiêu thụ rượu, bia của Chính phủ Việt Nam; Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn giữa các Hãng sản xuất bia nhằm tranh giành thị phần.
- + Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào kế hoạch và định hướng phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO).
- + Với bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, Công ty luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, đề ra phương án thích nghi với tình hình kinh tế hiện tại, lập kế hoạch dự phòng nhằm đảm bảo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% Tăng trưởng TH 2024/ TH 2023 (+) Tăng; (-) Giảm	% Tăng trưởng TH 2024/KH 2024 (+) Tăng; (-) Giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,862.84	2,104.07	1,993.15	7.00%	-5.27%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	1,871.82	2,112.48	2,017.09	7.76%	-4.52%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100.71	94.51	100.03	-0.68%	5.84%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Bùi Thị Nhựt	Giám đốc	1964	Cử nhân Tài chính - Kế toán Thạc sỹ quản trị kinh doanh	1.12%
2.	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	1967	Kỹ sư khoa học	0.09%
3.	Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng	1983	Cử nhân kế toán	0.01%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 205 người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Tiếp tục phát huy tinh thần lao động của các cá nhân lao động giỏi, trung thực nhằm lan tỏa trong toàn Công ty. Khen thưởng các đóng góp, sáng kiến, giải pháp hữu ích của người lao động.
 - + Thực hiện đúng nội dung thỏa ước lao động tập thể, chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội...
 - + Chính sách lương thưởng, phúc lợi theo chủ trương của SABECO. Đảm bảo các chế độ phúc lợi như nghỉ mát, phong trào thể thao, bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn:

Dự án đầu tư tại Lô đất số 06 Nguyễn Thụy, phường Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi: Dự án chưa thể triển khai trong năm 2024 do chờ phê duyệt thay đổi bản vẽ thiết kế để xây dựng đủ diện tích sàn trên 10.000m² đáp ứng tiêu chuẩn của Trung tâm Thương mại. Dự kiến xin cấp phép xây dựng từ tháng 6/2025, đi vào khai thác tháng 6/2026.

- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% (+) tăng; (-) giảm
Tổng giá trị tài sản	1,526,343,838,364	1,330,933,178,845	-12.80%
Doanh thu thuần	1,862,838,978,281	1,993,145,618,946	7.00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	126,883,073,567	125,100,716,810	-1.40%
Lợi nhuận khác	755,937,366	304,588,694	59.71%
Lợi nhuận trước thuế	127,639,010,933	125,405,305,504	-1.75%
Lợi nhuận sau thuế	100,714,194,461	100,030,328,206	-0.68%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,107	2,080	-1.26%

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0.75	0.91	
+	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.52	0.54	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+	Hệ số nợ trên tài sản	%	45.32	37.12	
+	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	82.89	59.02	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+	Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/hàng tồn kho bình quân)	Lần	10.43	10.10	
+	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1.22	1.50	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5.41	5.02	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	12.07	11.95	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6.59	7.52	
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6.81	6.28	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 45,000,000 cổ phần. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/12/2024)

Cổ đông lớn: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, Sở hữu: 29,950,000 cổ phần, chiếm 66.56% tổng số cổ phần của Công ty.

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	681	44,999,100	99.998%
1	Cá nhân	676	12,045,766	26.768%
2	Tổ chức	5	32,953,334	73.230%
II	Cổ đông nước ngoài	2	900	0.002%
1	Cá nhân	2	900	0.002%
2	Tổ chức	0	0	0
Tổng cộng		683	45,000,000	100.00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2024: 466 tỷ đồng.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - Điện: 11,931,451.70 kwh.
Trong đó: điện năng lượng mặt trời: 2,409,754.30 kwh.
 - Hơi bão hòa: 29,905 tấn.
- b) Các sáng kiến cải tiến góp phần tiết kiệm năng lượng, chi phí sản xuất:
 - Các giải pháp tiết kiệm năng lượng, thu hồi nước thừa tại các công đoạn sản xuất;
 - Các giải pháp tăng hiệu suất của các dây chuyền chiết bia chai, bia lon và các thiết bị khác;
 - Các giải pháp sửa chữa, thay thế các phụ tùng độc quyền bằng các phụ tùng trong nước góp phần tiết giảm chi phí phụ tùng thay thế, thời gian giao hàng, đảm bảo thiết bị vận hành ổn định, phục vụ sản xuất.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
 - Nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước thành phố, từ Công ty Cấp Thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi.
 - Lượng nước sử dụng: 456,920 m³.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 21,223 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động đến ngày 31/12/2024: 205 người.
 - Mức thu nhập bình quân: 14.3 triệu đồng/ người/ tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Công ty tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo cho người lao động đảm bảo an toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường theo quy định của nhà Nước.
 - Công ty thực hiện chính sách tiền lương - thu nhập gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tổ chức cho cán bộ CNV tham quan học tập trong và ngoài nước.
 - Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB.CNV, trang bị bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn vị trí công việc. Tri ân các ngày lễ lớn; Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phối hợp tổ chức các ngày phụ nữ, ngày thiếu nhi, giao lưu thể thao văn nghệ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.
 - Ngoài Bảo hiểm Xã hội bắt buộc, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổng số giờ đào tạo trong năm: 1,700 giờ.
- Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động nâng cao tay nghề.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương năm 2024.

Tổng số tiền tham gia công tác xã hội là 306,172,000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024/2023
Tổng tài sản	Đồng	1,526,343,838,364	1,330,933,178,845	87%
Tài sản ngắn hạn	Đồng	521,901,754,936	448,998,204,247	86%
Tài sản dài hạn	Đồng	1,004,442,083,428	881,934,974,598	88%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2024/2023
Tổng nợ phải trả	Đồng	691,780,400,512	493,995,757,281	71%
Nợ phải trả ngắn hạn	Đồng	691,780,400,512	493,995,757,281	71%
Nợ phải trả dài hạn	Đồng	0	0	0%

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Với sự hỗ trợ từ SABECO, trong năm qua, Công ty đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng ban theo chuẩn chung của SABECO nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực, tăng cường hiệu quả của tổ chức. Đồng thời áp dụng cấu trúc lương mới cho tất cả các vị trí nhân sự, đảm bảo tiền lương của người lao động cạnh tranh với thị trường và theo cấu trúc lương trong hệ thống SABECO.
- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý cung ứng vật tư hàng hóa; quản trị hành chính, tiết giảm lao động.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015; HACCP; Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm BRC phiên bản 9; Tiêu chuẩn quốc gia về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017; Kiểm soát quy trình sản xuất bằng phần mềm MES.
- Lập kế hoạch sản xuất hợp lý để tiết giảm hao phí năng lượng sản xuất, tiết giảm chi phí.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu thông qua hiệu ứng hình ảnh: bảng hiệu, pano, ánh sáng, đài phát thanh, truyền hình của tỉnh. Tham gia các hoạt động an sinh xã hội; Phối hợp với các sở ban ngành địa phương tăng tiêu thụ bia tại chỗ.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Khai thác thị trường nước ngoài để tăng ngoại tệ thu.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:
- Trong năm 2024, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống điện mặt trời áp mái, góp phần tiết kiệm điện năng, bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển xanh, sạch và bền vững.
 - Với hệ thống xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện và công nghệ được cải tiến, phong cách thiết kế Nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ môi trường.
 - Duy trì và phát huy việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (như sử dụng hơi đốt bằng trấu) thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
- Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi ổn định, phù hợp tương xứng với công sức đóng góp, tạo động lực làm việc cho người lao động luôn gắn bó và đồng hành cùng Công ty.
 - Phát huy nội lực, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai. Quan tâm, chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện làm việc, học tập tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: năm vừa qua toàn thể người lao động trong Công ty đã quyên góp, ủng hộ người dân bị thiệt hại bởi bão lũ gây ra ở miền Bắc. Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng Công ty SABECO xây dựng thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Công ty hy vọng rằng, với những nỗ lực vì cộng đồng trong những năm qua như xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bão lụt, phong trào đền ơn đáp nghĩa... và sẽ còn tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo với những việc làm thiết thực, góp phần cùng xã hội xây dựng một nước Việt Nam phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đúng quy định; Thực hiện họp HĐQT định kỳ theo đúng quy định về quản trị Công ty.
- Đảm bảo sản lượng giao hàng đủ theo yêu cầu của Sabeco.
- Triển khai đồng bộ nhiều biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên 2024 đã thông qua.
- Thực hiện công tác quản trị Công ty và quản lý sản xuất đúng quy định pháp luật. Trong năm 2024, đã tiết kiệm nhiều trong sản xuất và quản lý làm tăng lợi nhuận so với kế hoạch ĐHCĐ thường niên đã đề ra.
- Thực hiện trả cổ tức năm 2023 đầy đủ đúng quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Năm qua, dù tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, Công ty đã đạt được những kết quả tốt như sau:
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt 100 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch 2024;
 - + Thực hiện các giải pháp để nỗ lực tiết giảm chi phí trong bối cảnh tình hình kinh doanh gặp nhiều áp lực về chi phí đầu vào, công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được đặt lên hàng đầu;
 - + Chất lượng sản phẩm đảm bảo theo tiêu chuẩn SABECO, công tác giao hàng đáp ứng theo kế hoạch được giao;
 - + Thực hiện tốt công tác quản lý máy móc thiết bị, bảo trì bảo dưỡng góp phần tiết giảm rất lớn chi phí bảo trì bảo dưỡng;
 - + Phối hợp tốt với SABECO trong công tác mua hàng tập trung, đối với các vật tư tự mua, Công ty chủ động thương thảo mua dự trữ để tránh tăng giá, tối ưu chi phí giá thành;
 - + Công tác bảo vệ môi trường và các hoạt động liên quan đến cộng đồng xã hội luôn được quan tâm và phối hợp cùng SABECO để thực hiện; hoạt động của các nhà máy luôn được đảm bảo, duy trì môi trường sản xuất xanh sạch đẹp, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tại địa phương.
 - + Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo lợi ích người lao động. Tạo mối quan hệ tốt giữa người lao động và người sử dụng lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư. Quản lý tốt sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm; Sử dụng vốn và các nguồn lực hiện có của Công ty đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Đảm bảo an toàn lao động, an toàn sản xuất, PCCN, bảo vệ môi trường;
- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo phê duyệt;
- Tiếp tục phát huy tinh thần lao động của các cá nhân lao động giỏi, trung thực nhằm lan tỏa trong toàn Công ty; Đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mặt bằng chung tại khu vực, gắn thu nhập với hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty;

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ % sở hữu	Ghi chú
1	Koo Liang Kwee	Chủ tịch HĐQT	0	0%	
2	Bùi Thị Nhự	Ủy viên HĐQT Giám đốc Công ty	502,150	1.12%	
3	Trần Nguyên Trung	Ủy viên HĐQT	300	0.001%	
4	Văn Thảo Nguyên	Ủy viên HĐQT	0	0%	
5	Đình Văn Thành	Ủy viên HĐQT	450,000	1.00%	

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác của thành viên HĐQT:

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác của thành viên HĐQT:

- ❖ Ông Koo Liang Kwee - Chủ tịch HĐQT Công ty
 - Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Lâm Đồng.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Tiền.
 - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ.
 - Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang.
- ❖ Bà Bùi Thị Nhự - Thành viên HĐQT Công ty
 - Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung.
- ❖ Ông Trần Nguyên Trung - Thành viên HĐQT Công ty
 - Kế toán trưởng - Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn.
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn.
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây.
- ❖ Ông Văn Thảo Nguyên - Thành viên HĐQT Công ty
 - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây
 - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn.
- ❖ Ông Đinh Văn Thành - Thành viên HĐQT Công ty
 - Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 04 phiên họp HĐQT; ban hành 09 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT công ty thống nhất cao thông qua các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở để chỉ đạo hoạt động của Công ty về các vấn đề chính sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2024/NQ-HĐQT	23/02/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	100%
02	02/2024/NQ-HĐQT	06/03/2024	Thông qua đề xuất về việc Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi với các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống SABECO trong năm 2024 (khi có nhu cầu) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, bao gồm các loại giao dịch	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
03	03/2024/NQ-HĐQT	06/03/2024	Thông qua kết quả mời thầu thực hiện công tác san ủi, cải tạo mặt bằng, phá dỡ tòa nhà cũ và lắp dựng hàng rào quanh lô đất của Dự án tại lô đất số 06 Nguyễn Thụy, Quảng Ngãi	100%
			Thông qua đầu tư bổ sung 03 silo chứa barley và dự trữ malt	100%
			Thông qua kết quả SXKD năm 2023	100%
			Thông qua đề xuất thay đổi thiết kế PCCC nhà kho thành phẩm mở rộng thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm	100%
			Thông qua chi phí thực hiện Chương trình Cộng đồng Bia Saigon CSR Tết 2024 “Tết sẻ chia năm rồng khởi sắc” của Sabeco tại Quảng Ngãi	100%
			Thông qua chi phí phần mềm nhân sự Cadena về quản lý dữ liệu cơ cấu tổ chức và dữ liệu nhân viên theo chủ trương của Sabeco	100%
04	04/2024/NQ-HĐQT	15/03/2024	Thông qua phương án triển khai thực hiện Dự án sử dụng đại mạch	100%
			Thông qua kết quả lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh xây dựng và thiết kế PCCC, đơn vị thi công bổ sung các thiết bị PCCC của Nhà kho thành phẩm mở rộng thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy lên 250 triệu lít/năm	100%
			Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024	100%
			Thông qua Báo cáo nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
05	05/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi với Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa (POLYCO) - là tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT Công ty trong năm 2024	100%
06	06/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Thông qua đầu tư 03 silo chứa malt công suất 500 tấn malt/silo và đầu tư hệ thống xay nghiền Đại mạch	100%
			Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024	100%
			Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2024	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Thông qua đầu tư các thiết bị bổ sung phục vụ cho sản xuất: Thiết bị đo TPO 5000 Anton Paar, Máy sản xuất Nitor	100%
			Thông qua đề xuất mua 220kg PVPP-Divergan để thay mới cho Hệ lọc 1	100%
			Thông qua Quy chế quản lý đầu tư của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	100%
07	07/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua kết quả lựa chọn Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa (POLYCO) là nhà thầu thiết kế, chế tạo và lắp đặt thiết bị thuộc Dự án đầu tư 03 silo chứa malt công suất 500 tấn malt/silo và đầu tư hệ thống xay nghiền Đại mạch	100%
08	08/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt	100%
09	09/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024	100%
			Thông qua chi phí đầu tư thiết bị đo TPO 5000 Anton Paar	100%
			Thông qua việc thuê xe nâng điện để thay thế 03 xe nâng đã hư hỏng; Thanh lý xe nâng cũ theo quy trình quản lý tài sản của Công ty	100%
			Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm 2024	100%
			Thông qua chi phí làm đường hoa và Pano quảng cáo Bia Sài Gòn tại các tuyến đường hoa của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	100%
			Thông qua đề xuất thay đổi nhân sự Ban Kiểm soát từ năm 2025	100%

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng BKS	11,010	0.02%
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	0	0%
3	Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên BKS	4,900	0.01%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đối với Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành.

- Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp hàng tháng của Ban điều hành. Giám sát các Nghị quyết của HĐQT, các Quyết định của Ban điều hành và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi. Thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo:
 - + Tình hình tài chính trung thực, hợp lý; Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành.
 - + Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy chế quy định nội bộ; chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động; xem xét hồ sơ, kết quả kiểm kê theo định kỳ của Công ty.
 - + Xem xét tình hình triển khai các hạng mục đầu tư, sự tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình đầu tư.
- Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác:

Hội đồng quản trị

Thù lao

Ông Koo Liang Kwee - Chủ tịch	140,000,000 đồng
Bà Bùi Thị Nhự - Thành viên	98,000,000 đồng
Ông Trần Nguyên Trung - Thành viên	98,000,000 đồng
Ông Văn Thảo Nguyên - Thành viên	98,000,000 đồng
Ông Đinh Văn Thành - Thành viên	98,000,000 đồng

Ban điều hành

Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác 4,027,705,582 đồng

Ban Kiểm soát

Lương, thưởng và thù lao

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân - Trưởng ban	385,330,704 đồng
Ông Nguyễn Văn Hòa - Thành viên	56,000,000 đồng
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều - Thành viên	56,000,000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu/	Tỷ lệ	Số cổ phiếu/	Tỷ lệ	
1	Bùi Thị Nhự	Người nội bộ	413,450	0.92%	502,150	1.12%	Mua
2	Nguyễn Bùi Diệu My	Con gái của bà Bùi Thị Nhự - TV HĐQT	116,100	0.26%	115,100	0.26%	Bán
3	Đinh Văn Thuận	Bố ruột của ông Đinh Văn Thành - TV HĐQT	950,000	2.11%	650,000	1.44%	Bán
4	Đinh Phương Thảo	Chị của ông Đinh Văn Thành - TV HĐQT	100,000	0.22%	400,000	0.89%	Mua
5	Nguyễn Văn Hùng	Người nội bộ	35,000	0.08%	39,100	0.09%	Mua
6	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Con gái của ông Nguyễn Văn Hùng - PGĐ	20,200	0.04%	21,500	0.05%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua, ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 22/12/2023 Sở KHĐT Tp. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ -ĐHĐCĐ 17/04/2024	Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt): 3.633.118 triệu đồng Doanh thu khác: 550 triệu đồng Mua nguyên vật liệu, bao bì: 1.429.183 triệu đồng Cổ tức đã trả: 59.900 triệu đồng
2	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung		4300338326 06/05/2021 Sở KHĐT Đà Nẵng	Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	01/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ -ĐHĐCĐ 17/04/2024	Mua hàng hóa: 738 triệu đồng
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây		0304116373 14/08/2018 Sở KH & ĐT HCM	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Cổ tức đã trả: 2.333 triệu đồng
4	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn		0315251399 21/03/2022 Sở KHĐT Tp. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Mua hàng hóa: 263 triệu đồng
5	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		0302262756 13/4/2021 Sở KHĐT Tp. HCM	621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Mua hàng hóa: 150 triệu đồng
6	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		0300584564 08/11/2023 Sở KHĐT Tp HCM	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1,	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Mua hàng hóa: 173 triệu đồng

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua, ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
				Tp. Hồ Chí Minh			
7	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SA BE CO		0305815166 27/03/2023 Sở KHĐT Hồ Chí Minh	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Phí dịch vụ: 554 triệu đồng
8	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bìa Sài Gòn		0303140574 08/11/2023 Sở KHĐT Hồ Chí Minh	12 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ -ĐHĐCĐ 17/04/2024	Phí sử dụng vỏ chai: 32 triệu đồng
9	Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn Sông Lam		2900783332 05/9/2023 Sở KHĐT Nghệ An	Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	01/01/2024 - 31/12/2024	02/2024/NQ -HĐQT 06/03/2024	Bán Hàng hóa: 721 triệu đồng

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị công ty như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các thông tư qui định về quản trị công ty, hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản luật có liên quan khác.
- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ quy định và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu VT; PKT.





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Đầu tư số**

Dự án Nhà máy sản xuất bia

34121000019

1714445463

ngày 20 tháng 9 năm 2007

ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và cho thuê

3412100023

ngày 10 tháng 3 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3412100023 vào ngày 28 tháng 07 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 46 năm 6 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

4300338460

ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koo Liang Kwee

Bà Bùi Thị Nhự

Ông Đinh Văn Thành

Ông Trần Nguyên Trung

Ông Văn Thảo Nguyên

Chủ tịch

Thành viên điều hành

Thành viên không điều hành

Thành viên không điều hành

Thành viên không điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân

Ông Nguyễn Văn Hòa

Bà Đỗ Thị Diễm Kiều

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Võ Thanh Cường

Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-04-00031-25-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		448.998.204.247	521.901.754.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	37.710.615.164	266.189.958.489
Tiền	111		37.710.615.164	29.489.958.489
Các khoản tương đương tiền	112		-	236.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.567.016.808	91.415.856.085
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	225.024.381.858	89.706.534.871
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		436.922.558	188.561.873
Phải thu ngắn hạn khác	136		105.712.392	1.520.759.341
Hàng tồn kho	140	7(a)	182.687.390.940	163.343.622.554
Hàng tồn kho	141		183.036.156.466	163.730.592.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(348.765.526)	(386.969.747)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.033.181.335	952.317.808
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.470.001.473	952.317.808
Thuế phải thu Nhà nước	153		563.179.862	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		881.934.974.598	1.004.442.083.428
Tài sản cố định	220		741.488.102.823	865.928.341.176
Tài sản cố định hữu hình	221	8	741.410.330.435	865.928.341.176
Nguyên giá	222		2.011.909.088.660	2.009.248.249.155
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.270.498.758.225)	(1.143.319.907.979)
Tài sản cố định vô hình	227		77.772.388	-
Nguyên giá	228		519.545.034	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(441.772.646)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.435.516.699	9.798.307.815
Xây dựng cơ bản dở dang	242	9	14.435.516.699	9.798.307.815
Tài sản dài hạn khác	260		126.011.355.076	128.715.434.437
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	118.928.709.124	123.500.670.868
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.666.760.635	2.251.254.726
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	7 (b)	4.415.885.317	2.963.508.843
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.330.933.178.845	1.526.343.838.364

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		493.995.757.281	691.780.400.512
Nợ ngắn hạn	310		493.995.757.281	691.780.400.512
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	49.265.381.883	191.716.441.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.423.572	42.581.508
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	216.649.644.530	219.202.970.091
Phải trả người lao động	314		3.489.597.698	8.039.141.731
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	8.907.652.469	9.705.885.981
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	19.265.140.607	19.713.920.270
Vay ngắn hạn	320	15	189.000.000.000	236.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.390.916.522	6.859.459.423
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		836.937.421.564	834.563.437.852
Vốn chủ sở hữu	410	17	836.937.421.564	834.563.437.852
Vốn cổ phần	411	18	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		350.337.171.292	347.963.187.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		279.457.411.486	253.148.993.119
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm nay	421b		70.879.759.806	94.814.194.461
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.330.933.178.845	1.526.343.838.364

Ngày 26 tháng 2 năm 2025

Người duyệt:

 Bà Thị Nhựt
 Giám đốc

Người lập:

 Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	1.993.616.248.934	1.863.202.186.861
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	470.629.988	363.208.580
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	1.993.145.618.946	1.862.838.978.281
Giá vốn hàng bán	11	23	1.845.555.959.411	1.703.815.646.687
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		147.589.659.535	159.023.331.594
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.943.356.928	19.990.777.575
Chi phí tài chính	22	25	6.976.527.571	28.614.399.165
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.619.997.448	20.294.283.087
Chi phí bán hàng	25	26	12.964.419.534	8.590.317.794
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	11.491.352.548	14.926.318.643
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		125.100.716.810	126.883.073.567
Thu nhập khác	31		1.249.005.676	1.593.736.042
Chi phí khác	32		944.416.982	837.798.676
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		304.588.694	755.937.366
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		125.405.305.504	127.639.010.933
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	25.790.483.207	28.394.980.769
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(415.505.909)	(1.470.164.297)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		100.030.328.206	100.714.194.461
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.075	2.085

Ngày 26 tháng 2 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

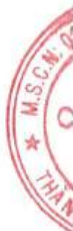
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2024	2023
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		125.405.305.504	127.639.010.933
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		127.260.018.256	127.478.445.142
Các khoản dự phòng	03		1.927.359.366	67.253.620
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(95.583.822)	8.133.910.713
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.083.653.163)	(19.033.017.452)
Chi phí lãi vay	06		6.619.997.448	20.294.283.087
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		258.033.443.589	264.579.886.043
Biến động các khoản phải thu	09		(134.959.138.921)	(67.607.180.425)
Biến động hàng tồn kho	10		(22.723.504.226)	25.509.827.680
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.997.048.695)	81.859.312.953
Biến động chi phí trả trước	12		(2.266.462.437)	(11.044.431.204)
			84.087.289.310	293.297.415.047
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.388.539.181)	(19.213.778.125)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.658.678.174)	(28.529.834.489)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.420.000	27.440.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.664.738.995)	(8.595.631.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.387.752.960	236.985.610.596
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(129.477.561.788)	(35.797.861.423)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(88.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		88.000.000.000	338.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.405.535.903	25.669.378.008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.072.025.885)	327.971.516.585

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	1.376.500.000.000	1.738.600.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.424.000.000.000)	(1.977.610.565.869)
Tiền chi trả cổ tức	36	(91.303.628.000)	(66.581.523.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(138.803.628.000)	(305.592.088.869)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(228.487.900.925)	259.365.038.312
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	266.189.958.489	6.831.749.856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	8.557.600	(6.829.679)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	37.710.615.164
		266.189.958.489	

Ngày 26 tháng 2 năm 2025

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

M.S.D.N: 430033848
 BI
 C
 TỈNH

017
 CHI
 ĐỀ
 K

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2024: 206 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

003
ÔN
:Ô F
S/
JÁN
QU

20
NI
T
PI
[H]

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 44.998 triệu VND (1/1/2024: 169.879 triệu VND). Ngoài ra, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 16). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và duy trì sẵn các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 321.000 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

184
T
HÀ
IG
NG
NG
AN
TH
IG
VN

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

30/11/2024

16/11/2024

M.S.C.N. 0100
CH
CƠN
THÀNH P.

C.T. I.A.H.H
H
MINH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(f) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

30
C
C
BI
Q
TINH

11/11/2024

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

1311
N
S
JAI
11/01



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	55.837.045	8.887.459
Tiền gửi ngân hàng	37.654.778.119	29.481.071.030
Các khoản tương đương tiền	-	236.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	37.710.615.164	266.189.958.489
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	211.947.177.947	75.668.838.210
International Consolidated Business Pty Ltd	11.119.820.747	11.120.582.256
Các khách hàng khác	1.957.383.164	2.917.114.405
	<hr/>	<hr/>
	225.024.381.858	89.706.534.871
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	211.947.177.947	75.668.838.210
Công ty liên quan		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	61.398.000	46.656.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10/1
2
H
1
G
1
10/1
NH
3
PN
10/1

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	88.427.355.761	-	78.395.809.465	-
Công cụ và dụng cụ	10.610.600.389	(348.765.526)	8.911.054.559	(386.969.747)
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	36.764.177.458	-	41.858.714.355	-
Thành phẩm	47.212.513.058	-	34.302.290.224	-
Hàng hóa	21.509.800	-	262.723.698	-
	183.036.156.466	(348.765.526)	163.730.592.301	(386.969.747)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	386.969.747	400.842.737
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(38.204.221)	(13.872.990)
Số dư cuối năm	348.765.526	386.969.747

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	17.238.557.706	(12.822.672.389)	13.820.617.645	(10.857.108.802)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.857.108.802	10.775.982.192
Dự phòng trích lập trong năm	2.616.026.167	1.124.916.874
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(650.462.580)	(1.043.790.264)
Số dư cuối năm	12.822.672.389	10.857.108.802

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	336.203.938.338	1.661.717.361.312	9.520.927.538	1.261.121.914	544.900.053	2.009.248.249.155
Tăng trong năm	-	154.950.000	-	-	-	154.950.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	395.284.869	2.173.000.000	-	-	-	2.568.284.869
Xóa số	-	-	-	(62.395.364)	-	(62.395.364)
Số dư cuối năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	141.041.058.519	992.154.184.679	8.738.088.967	934.468.875	452.106.939	1.143.319.907.979
Khấu hao trong năm	14.077.295.560	112.746.723.729	166.766.568	219.528.715	30.931.038	127.241.245.610
Xóa số	-	-	-	(62.395.364)	-	(62.395.364)
Số dư cuối năm	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	195.162.879.819	669.563.176.633	782.838.571	326.653.039	92.793.114	865.928.341.176
Số dư cuối năm	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 34.710 triệu VND (1/1/2024: 26.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	9.798.307.815	2.154.816.792
Tăng trong năm	3.137.729.313	16.039.335.366
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	4.067.764.440	3.435.341.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.568.284.869)	(6.472.056.076)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(5.359.129.295)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.435.516.699	9.798.307.815

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2023: 1.820 triệu VND).

Công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Nguyễn Thụy - nhà cửa, vật kiến trúc	14.435.516.699	9.798.307.815

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	116.887.515.944	4.838.105.473	1.775.049.451	123.500.670.868
Tăng trong năm	-	3.441.927.866	-	3.441.927.866
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(4.067.764.440)	-	-	(4.067.764.440)
Phân bổ trong năm	-	(2.693.149.094)	(1.252.976.076)	(3.946.125.170)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải trả người bán****(i) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	34.567.698.610	36.161.791.739
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	1.241.012.172	7.428.548.416
Krones AG	-	127.941.523.200
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	-	6.289.547.950
Các nhà cung cấp khác	13.456.671.101	13.895.030.203
	<hr/>	<hr/>
	49.265.381.883	191.716.441.508

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	34.567.698.610	36.161.791.739
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	6.166.936	23.787.917

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn lại trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	180.378.323.745	1.770.141.488.071	(1.764.211.440.670)	-	186.308.371.146
Thuế giá trị gia tăng	20.647.337.550	365.342.665.435	(213.395.216.139)	(150.062.956.122)	22.531.830.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.677.449.838	25.790.483.207	(35.658.678.174)	-	7.809.254.871
Thuế thu nhập cá nhân	499.626.446	2.663.758.443	(3.726.564.751)	563.179.862	-
Thuế nhập khẩu	-	38.572.933	(38.572.933)	-	-
Các loại thuế khác	232.512	61.390.830	(61.435.553)	-	187.789
	219.202.970.091	2.164.038.358.919	(2.017.091.908.220)	(149.499.776.260)	216.649.644.530

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	8.481.657.149	8.503.174.958
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	46.000.000
Chi phí khác	425.995.320	1.156.711.023
	<hr/>	
	8.907.652.469	9.705.885.981
	<hr/>	

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	16.154.069.500	17.457.697.500
Phải trả khác	3.111.071.107	2.256.222.770
	<hr/>	
	19.265.140.607	19.713.920.270
	<hr/>	

13
NG
P
SÀI
NG
UẢ



Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	236.500.000.000	1.376.500.000.000	(1.424.000.000.000)	189.000.000.000		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	3,6%	69.000.000.000	116.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	3,3%	120.000.000.000	120.000.000.000
			189.000.000.000	236.500.000.000

Các khoản vay không được đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

12/11/2024

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.859.459.423	10.913.150.024
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	6.178.000.000	5.700.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	1.005.776.094	(1.185.498.764)
Tiền thu khác	12.420.000	27.440.000
Sử dụng trong năm	(6.664.738.995)	(8.595.631.837)
Số dư cuối năm	<u>7.390.916.522</u>	<u>6.859.459.423</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	36.600.250.272	319.463.494.355	806.063.744.627
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.714.194.461	100.714.194.461
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (Thuyết minh 16)	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022 (Thuyết minh 16)	-	-	1.185.498.764	1.185.498.764
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội 2023	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Có tức (Thuyết minh 19)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.030.328.206	100.030.328.206
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi 2024 (Thuyết minh 16)	-	-	(6.178.000.000)	(6.178.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023 (Thuyết minh 16)	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội 2024	-	-	(472.568.400)	(472.568.400)
Có tức (Thuyết minh 19)	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564



10/11/2024

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 112.500 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), trong đó tạm ứng cổ tức 45.000 triệu VND cho cổ đông năm 2022).

Tại Nghị Quyết số 08/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông là 22.500 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Trên năm năm	62.096.812.471	65.514.471.623
	<hr/>	<hr/>
	79.138.418.901	82.556.078.053

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	119.436,77	3.015.897.879	171.882	4.138.882.078
	<hr/>		<hr/>	

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.790.000.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	395.555.555	1.160.129.238
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.977.957.725.353	1.848.860.257.006
▪ Bán phế liệu	15.658.523.581	14.341.929.855
	<hr/> 1.993.616.248.934	<hr/> 1.863.202.186.861
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	470.629.988	363.208.580
	<hr/> 1.993.145.618.946	<hr/> 1.862.838.978.281

23. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm đã bán	1.843.628.600.045	1.703.748.393.067
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	1.927.359.366	67.253.620
	<hr/> 1.845.555.959.411	<hr/> 1.703.815.646.687

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	3.083.653.163	19.033.017.452
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.764.119.943	957.760.123
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	95.583.822	-
	<hr/> 8.943.356.928	<hr/> 19.990.777.575

25. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	6.619.997.448	20.294.283.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	356.530.123	186.205.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.133.910.713
	<hr/> 6.976.527.571	<hr/> 28.614.399.165

26. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.829.507.448	5.284.624.924
Chi phí nhân viên	3.320.431.022	2.761.515.147
Chi phí bán hàng khác	814.481.064	544.177.723
	<hr/> 12.964.419.534	<hr/> 8.590.317.794

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	6.861.947.954	9.498.547.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.502.282.593	934.765.880
Chi phí khấu hao và phân bổ	811.012.188	849.420.186
Chi phí quản lý khác	2.316.109.813	3.643.584.862
	<hr/>	
	11.491.352.548	14.926.318.643
	<hr/>	

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.674.093.799.367	1.503.595.534.487
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.260.018.256	127.478.445.142
Chi phí nhân viên	49.104.121.138	56.101.453.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.134.226.600	17.417.332.689
Chi phí khác	5.994.038.171	6.188.084.079
	<hr/>	

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	24.829.874.263	25.730.049.122
Dự phòng thiếu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
	<hr/>	
	25.790.483.207	28.394.980.769
	<hr/>	
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(415.505.909)	(1.470.164.297)
	<hr/>	
	25.374.977.298	26.924.816.472
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.405.305.504	127.639.010.933
Thuế theo thuế suất của Công ty	25.081.061.101	25.527.802.187
Chi phí không được khấu trừ thuế	261.162.196	202.246.935
Dự phòng thiếu trong những năm trước	960.608.944	2.664.931.647
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(1.470.164.297)
Điều chỉnh khác	(927.854.943)	-
	25.374.977.298	26.924.816.472

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b. Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng và thu nhập khác.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	100.030.328.206	100.714.194.461
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.178.000.000)	(5.700.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(1.005.776.094)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	(472.568.400)	(200.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	93.379.759.806	93.808.418.367

(*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại thành 2.085 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 2.107 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	3.633.117.527.970	3.415.939.158.617
Mua nguyên vật liệu	1.429.183.361.460	1.269.015.103.288
Cổ tức	59.900.000.000	44.925.000.000
Hoàn trả tiền thuê đất	-	4.500.000.000
Hoàn trả tiền giải phóng mặt bằng	-	3.500.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	2.333.334.000	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	737.720.470	809.595.250
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán hàng hóa	721.450.000	303.200.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	553.579.250	350.043.400
Công ty TNHH MTV Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	262.750.480	347.000.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	208.072.859	73.806.433
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	149.564.000	192.046.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí thay thế vỏ chai	32.109.384	45.527.182
Thu nhập từ thanh lý bao bì luân chuyển	-	1.540.123.100

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	140.000.000	120.000.000
Bà Bùi Thị Nhự – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	98.000.000	84.000.000
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban	385.330.704	381.400.000
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	56.000.000	48.000.000
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	56.000.000	48.000.000
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và thù lao	4.027.705.582	4.723.685.104

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	-	129.301.065.901

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 30, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 26 tháng 2 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhự
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

